

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1970/QĐ-UBND

*Đồng Nai, ngày 23 tháng 7 năm 2012***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 717/SKHĐT-VP ngày 16 tháng 4 năm 2012 và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1111/TTr-VP ngày 19 tháng 7 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2449/QĐ-UBND ngày 25/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 07/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố sửa đổi, bổ sung Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH**Đinh Quốc Thái**

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 23/7/2012
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Số TT	Tên thủ tục hành chính
I.	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ
01	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh
02	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh
03	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp
04	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh
05	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh
06	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp
07	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp
08	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp thực hiện việc chuyển nhượng dự án
09	Thủ tục đăng ký lại, chuyển đổi và đổi giấy chứng nhận đầu tư (đối với các doanh nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006)
10	Thủ tục đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006)
11	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006 nhưng chưa đăng ký lại)
12	Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

13	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)
14	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)
15	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)
16	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)
17	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)
18	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)
19	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)
20	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
21	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
22	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
23	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
24	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
25	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
26	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
27	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

28	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
29	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
30	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
31	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
32	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
33	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)
34	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)
35	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)
36	Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (trường hợp thực hiện dự án đầu tư)
37	Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (trường hợp thực hiện dự án đầu tư)
38	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án trên 300 tỷ đồng
39	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng
40	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
41	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
42	Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

43	Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện
44	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ
45	Thủ tục cấp thẻ đi lại doanh nhân APEC (thẻ ABTC) cho các doanh nhân ngoài khu công nghiệp
46	Thủ tục thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh
47	Thủ tục mua lại nhà xưởng, tài sản kèm quyền sử dụng đất để đầu tư (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)
48	Thủ tục điều chỉnh bổ sung văn bản thỏa thuận địa điểm (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)
49	Thủ tục gia hạn hiệu lực văn bản thỏa thuận địa điểm (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)
50	Thủ tục thanh lý dự án đầu tư, giải thể tổ chức kinh tế
II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN	
51	Thủ tục phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (mức 02)
52	Thủ tục thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật (mức 02)
53	Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (mức 02)
54	Thủ tục thẩm định dự án đầu tư (mức 02)
55	Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư (mức 02)
56	Thủ tục thẩm định điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (mức 01)
57	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (mức 02)
58	Thủ tục thẩm định kế hoạch đấu thầu (mức 02)
III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP	
59	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân
60	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên
61	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên
62	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần
63	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh
64	Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

65	Thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí
66	Thủ tục thay đổi, hiệu đính thông tin; cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án; chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
67	Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
IV.	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ (BAO GỒM HỢP TÁC XÃ VÀ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ)
68	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp HTX và các đơn vị trực thuộc
69	Thủ tục đăng ký chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã
70	Thủ tục đăng ký điều lệ hợp tác xã sửa đổi; tạm ngừng kinh doanh
71	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng)
72	Thủ tục đăng ký giải thể hợp tác xã

Phần II
NỘI DUNG CỤ THỂ
CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ

1. Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).
(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).
- b) Cách thức thực hiện:
 - Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
 - Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.
- c) Thành phần, số lượng hồ sơ:
 - Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh).
 - + Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).
 - + Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).
 - + Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án.
 - + Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư.
 - Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.
- d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e) Cơ quan thực hiện TTHC:
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-1, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm của UBND tỉnh.

2. Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

- + Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Bản sao điều lệ công ty.
- + Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.
- + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.
- + Các tài liệu liên quan về vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.
- d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e) Cơ quan thực hiện TTHC:
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-2, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.
 - Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.
 - Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
 - Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
 - Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.
 - Văn bản thỏa thuận địa điểm của UBND tỉnh.

3. Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp).

+ Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có 02 thành viên trở lên/danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (theo mẫu).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

+ Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

+ Điều lệ doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (chủ đầu tư là cá nhân) bản sao quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức (chủ đầu tư là pháp nhân).

+ Văn bản ủy quyền kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

+ Tài liệu về địa điểm dự án, báo cáo tài chính 02 năm gần nhất, sự hỗ trợ của công ty mẹ (nếu có) đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp đang hoạt động, chứng nhận của ngân hàng về tài khoản của chủ đầu tư (đối với nhà đầu tư là cá nhân).

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp (đối với trường hợp cần xin ý kiến): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở chuyên ngành có liên quan.

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, I-8, I-9, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Điều lệ công ty (theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2005).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm của UBND.

4. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-4, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

5. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-5, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

6. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và

Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư;

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư;

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp;

+ Biên bản họp hội đồng thành viên hoặc hội đồng quản trị hoặc quyết định của Chủ tịch công ty về vấn đề điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư;

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-6, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;
- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005;
- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

7. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đề nghị hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Biên bản họp hội đồng thành viên, chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội cổ đông về việc bán doanh nghiệp.

- + Hợp đồng chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.
- + Điều lệ của doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại.
- + Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp sau khi được phép chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (nếu có sự thay đổi).
- + Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư gồm bản sao quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế, bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân.
- + Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.
- d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e) Cơ quan thực hiện TTHC:
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-6, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.
 - Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.
 - Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
 - Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
 - Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

8. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp thực hiện việc chuyển nhượng dự án

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Hợp đồng chuyển nhượng vốn, dự án đầu tư.

+ Văn bản về tư cách pháp lý của bên nhận chuyển nhượng.

+ Biên bản họp hội đồng thành viên, chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội cổ đông về việc chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng dự án đầu tư.

+ Báo cáo tình hình hoạt động triển khai dự án.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-4 đến I-6, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

9. Thủ tục đăng ký lại, chuyển đổi và đổi giấy chứng nhận đầu tư (đối với các doanh nghiệp nước ngoài được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp GCNĐT cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký lại/chuyển đổi doanh nghiệp.

+ Dự thảo điều lệ doanh nghiệp sửa đổi phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép đầu tư và các giấy phép điều chỉnh.

+ Các tài liệu tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

+ Quyết định chuyển đổi doanh nghiệp của chủ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, hội đồng quản trị doanh nghiệp liên doanh hoặc đại hội cổ đông của công ty cổ phần có vốn đầu tư nước ngoài (trường hợp chuyển đổi doanh nghiệp).

+ Thông báo cho người lao động trong doanh nghiệp về việc chuyển đổi doanh nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép đầu tư và các giấy phép điều chỉnh.

Trường hợp chuyển đổi có bổ sung thêm thành viên mới thì trong hồ sơ nói trên còn bao gồm:

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (thành viên mới là cá nhân).

+ Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của pháp nhân; quyết định ủy quyền, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền (thành viên là tổ chức).

+ Đối với thành viên mới là tổ chức nước ngoài thì bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phải có chứng thực của cơ quan nơi tổ chức đó đã đăng ký không quá 03 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

+ Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc (trường hợp dự án đăng ký lại, chuyển đổi doanh nghiệp kết hợp điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư thuộc dự án thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư, số lượng hồ sơ là 08 bộ, trong đó có 01 bộ gốc).

d) Thời hạn giải quyết:

- 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp đăng ký lại).

- 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp chuyển đổi).

- 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp đăng ký lại/chuyển đổi kết hợp điều chỉnh bổ sung dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.
- Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009.
- Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.
- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

10. Thủ tục đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đề nghị đổi giấy chứng nhận đầu tư do các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh ký.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép đầu tư hoặc các giấy phép điều chỉnh.

+ Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-14, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

11. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp được cấp giấy phép trước ngày 01/7/2006 nhưng chưa đăng ký lại)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép đầu tư.
 - + Bản sao hợp lệ giấy phép đầu tư hoặc các giấy phép điều chỉnh.
 - + Các tài liệu khác tương ứng nếu doanh nghiệp có yêu cầu điều chỉnh các nội dung liên quan đến đăng ký kinh doanh và dự án đầu tư.
- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.
- d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e) Cơ quan thực hiện TTHC:
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-16, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.
 - Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.
 - Nghị định số 101/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 của Chính phủ quy định việc đăng ký lại, chuyển đổi và đăng ký đổi giấy chứng nhận đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư.
 - Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
 - Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
 - Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

12. Thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sao điều lệ công ty.

+ Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty.

+ Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

+ Giấy tờ hợp lệ về địa điểm mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

13. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Các tài liệu liên quan về vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm lập dự án đầu tư.

14. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư.

+ Bản sao điều lệ doanh nghiệp.

+ Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.

+ Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.

+ Các tài liệu liên quan về vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm lập dự án đầu tư.

15. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có 02 thành viên trở lên/danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (theo mẫu).

+ Điều lệ doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân).

+ Tài liệu về địa điểm dự án, báo cáo tài chính 02 năm gần nhất, sự hỗ trợ của công ty mẹ (nếu có) đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp đang hoạt động, chứng nhận của ngân hàng về tài khoản của chủ đầu tư (đối với nhà đầu tư là cá nhân).

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp (điều chỉnh) giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Danh sách thành viên (theo mẫu Phụ lục I-8, I-9, I-10, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

16. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

17. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Đơn giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

18. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Đơn giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

19. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Biên bản đề nghị hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Biên bản họp hội đồng thành viên, chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội cổ đông về việc bán doanh nghiệp.

+ Hợp đồng chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Điều lệ của doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại.

+ Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp sau khi được phép chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (nếu có sự thay đổi).

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư gồm bản sao quyết định thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế, bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

20. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

+ Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/BTM-QĐ ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

21. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Bản sao điều lệ công ty.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.

+ Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.

+ Các tài liệu liên quan vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan

trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của

Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

22. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp).

+ Danh sách thành viên đối với công ty TNHH có 02 thành viên trở lên/danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (theo mẫu).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

+ Điều lệ doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp.

+ Bản sao hợp lệ hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (chủ đầu tư là cá nhân)/ bản sao quyết định thành lập hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức (chủ đầu tư là pháp nhân).

+ Văn bản ủy quyền kèm theo bản sao hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

+ Tài liệu về địa điểm dự án, báo cáo tài chính 02 năm gần nhất, sự hỗ trợ của công ty mẹ (nếu có) đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp đang hoạt động, chứng nhận của ngân hàng về tài khoản của chủ đầu tư (đối với nhà đầu tư là cá nhân).

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

23. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

24. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

25. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.

+ Tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh bổ sung nội dung đăng ký kinh doanh (nếu điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh) theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

26. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.

+ Quyết định của hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội cổ đông về việc bán doanh nghiệp.

+ Hợp đồng chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Điều lệ của doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại.

+ Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp sau khi được phép chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (nếu có sự thay đổi).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan

trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các

hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

27. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác.

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán

hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

28. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư.

+ Bản sao điều lệ doanh nghiệp.

+ Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.

+ Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.

+ Các tài liệu liên quan vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan

trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

29. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

30. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

31. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

32. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan (nếu điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Ngành, nghề, lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo cam kết của Việt Nam sau khi gia nhập WTO:

+ Biểu cam kết về dịch vụ của báo cáo gia nhập WTO.

+ Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

+ Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.
- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.
- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.
- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.
- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.
- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

33. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.

+ Quyết định của hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc của đại hội cổ đông về việc bán doanh nghiệp.

+ Hợp đồng chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp.

+ Điều lệ của doanh nghiệp bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại.

+ Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp sau khi được phép chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp (nếu có sự thay đổi).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

34. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành liên quan.

- Sau khi có ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành, lập tờ trình và dự thảo báo cáo thẩm tra dự án trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét gửi báo cáo thẩm tra trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Bước 4: Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về dự án đầu tư, lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác.

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu

tư và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

Số lượng hồ sơ: 10 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 55 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan

trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

35. Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp gắn với thành lập chi nhánh (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành liên quan.

- Sau khi có ý kiến thẩm tra của các bộ, ngành, lập tờ trình và dự thảo báo cáo thẩm tra dự án trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình

UBND tỉnh Đồng Nai xem xét gửi báo cáo thẩm tra trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Bước 4: Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về dự án đầu tư, lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- + Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).
- + Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).
- + Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.
- + Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).
- + Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.
- + Bản sao giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư.
- + Bản sao điều lệ doanh nghiệp.
- + Quyết định bằng văn bản và biên bản họp của hội đồng thành viên/hội đồng quản trị/Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.
- + Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh.
- + Các tài liệu liên quan về vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-3, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 05/2008/TT-BCT ngày 14/4/2008 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17/7/2007 của Bộ Thương mại hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21/5/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

36. Thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (trường hợp thực hiện dự án đầu tư)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-1, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm của UBND tỉnh.

37. Thủ tục đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với trường hợp không gắn với thành lập doanh nghiệp hoặc chi nhánh (trường hợp thực hiện dự án đầu tư)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định sẽ có văn bản trả lời của Phòng Hợp tác Đầu tư hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Phòng Hợp tác Đầu tư lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc sở Kế hoạch và Đầu tư. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đăng ký chứng nhận những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu Phụ lục I-4, theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

38. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư dự án trên 300 tỷ đồng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu).

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư (bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác: Đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu: Đối với nhà đầu tư là cá nhân).

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư.

+ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh).

+ Các tài liệu liên quan về vị trí địa điểm dự án, năng lực tài chính của chủ đầu tư.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Văn bản thỏa thuận địa điểm lập dự án đầu tư.

39. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

- + Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.
- + Bản sửa đổi, bổ sung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp.
 - Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.
- d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- e) Cơ quan thực hiện TTHC:
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
 - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư năm 2005.
 - Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
 - Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

40. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:
 - + Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.
 - + Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.
 - + Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).
 - + Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.
 - + Giấy chứng nhận đầu tư của chủ dự án.
 - + Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2005 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư). Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

41. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án dưới 300 tỷ đồng nhưng thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
 - Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).
- (Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2005 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

42. Thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và

Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác.

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2005 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

43. Thủ tục thẩm tra điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án trên 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản xin ý kiến thẩm tra dự án.

Bước 4: Sau khi có ý kiến bằng văn bản của các ngành: Lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình lý do điều chỉnh.

+ Những thay đổi so với dự án đang triển khai.

+ Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án.

+ Bản sao giấy chứng nhận đầu tư.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư và Phụ lục III ban hành kèm theo nghị định này.

- Số lượng hồ sơ: 08 bộ, trong đó có ít nhất 01 bộ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (Điều 29 của Luật Đầu tư năm 2005 và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

- Các lĩnh vực khác dự án phải đáp ứng điều kiện: Kinh doanh bất động sản, y tế, giáo dục, du lịch... (Theo luật, nghị định, thông tư hướng dẫn liên quan đến điều kiện đầu tư mà dự án phải đáp ứng).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư năm 2005.

- Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005.

- Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.

- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.

- Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

44. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Làm văn bản gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành liên quan.

- Sau khi có ý kiến thẩm tra của các Bộ, ngành, lập tờ trình và dự thảo báo cáo thẩm tra dự án trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét gửi báo cáo thẩm tra trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Bước 4: Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về dự án đầu tư, lập tờ trình và dự thảo giấy chứng nhận đầu tư trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét cấp giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư.

+ Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc các tài liệu tương đương khác.

+ Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư tự lập và chịu trách nhiệm).

+ Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: Mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư. Tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

+ Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện tham gia thị trường quy định đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định.

+ Các tài liệu liên quan về địa điểm dự án, năng lực tài chính của nhà đầu tư (báo cáo tài chính 02 năm gần nhất).

- Số lượng hồ sơ: 10 bộ, trong đó có 01 bộ hồ sơ gốc.

d) Thời hạn giải quyết: 55 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ chuyên ngành có liên quan, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở quản lý ngành liên quan dự án, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).
- f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.
- g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:
 - Bản đăng ký/đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam).
 - Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc hợp đồng liên doanh/giải trình kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).
 - Giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.
- h) Phí, lệ phí: Không.
- i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận.
- j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.
- k) Căn cứ pháp lý của TTHC:
 - Luật Đầu tư năm 2005.
 - Các luật khác dự án phải đáp ứng điều kiện theo quy định.
 - Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
 - Các nghị định khác liên quan đến điều kiện dự án phải đáp ứng.
 - Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành mẫu các văn bản thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam.
 - Các văn bản liên quan đến quy hoạch, vị trí dự án.

45. Thủ tục cấp thẻ đi lại doanh nhân APEC (thẻ ABTC) cho các doanh nhân ngoài khu công nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý và đầy đủ của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, công chức hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung hồ sơ kịp thời.

- Hồ sơ hợp lệ làm văn bản chuyên Ban Giám đốc sở ký, trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trao giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư, nhà đầu tư ký nhận và trả lại biên nhận hồ sơ.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị sử dụng thẻ ABTC (theo mẫu). Doanh nghiệp tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về những nội dung đề nghị cấp thẻ.

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương.

+ Bản sao các hợp đồng, văn bản thỏa thuận, hoặc các hồ sơ chứng minh quan hệ kinh tế với các nước thành viên APEC (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị sử dụng thẻ đi lại doanh nhân APEC (Thẻ ABTC) (theo Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 16/8/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định việc cho phép doanh nhân, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Đồng Nai sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.

- Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28/02/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 76/2009/QĐ-UBND ngày 19/10/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về quản lý việc sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

46. Thủ tục thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Tổ chức đoàn khảo sát liên ngành tiến hành khảo sát địa điểm, lập biên bản khảo sát địa điểm.

- Các địa phương và các ngành có ý kiến cụ thể bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Phòng Nghiệp vụ tổng hợp các ý kiến của các ngành và địa phương, lập tờ trình để trình Ban Giám đốc sở. Trường hợp ý kiến khác biệt, hoặc vấn đề phức tạp, mời họp tổ công tác liên ngành.

- Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét quyết định.

- Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả gửi kết quả cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Hoặc gửi qua đường công văn. Văn bản sẽ được chuyển qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả vào sổ chuyển xử lý theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị thỏa thuận địa điểm đầu tư (tự viết hoặc theo mẫu).

+ Bản sao giấy phép thành lập doanh nghiệp (nếu chủ đầu tư là tổ chức kinh tế), hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu của người đại diện (nếu chủ đầu tư là cá nhân). Các bản sao nêu trên không cần chứng thực.

+ Phương án sơ bộ về dự án (đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư; các dự án đầu tư BOT, BT, BTO; các dự án có diện tích đất từ 10 ha trở lên).

+ Sơ đồ vị trí địa điểm hợp lệ (nếu có).

+ Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất đai, mặt bằng nhà xưởng và các giấy tờ khác có liên quan (nếu có và không cần chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 07 (bộ) có ít nhất 01 bộ bản chính.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tổ chức khảo sát địa điểm trong vòng 15 ngày làm việc sau khi nhận hồ sơ hợp lệ.

- Trả kết quả trong vòng 40 ngày làm việc kể từ ngày khảo sát nếu hồ sơ hợp lệ và các ngành, địa phương trả lời đúng thời hạn quy định.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính, sở quản lý ngành liên quan dự án, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thỏa thuận địa điểm đầu tư (theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 26/3/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Yêu cầu về năng lực tài chính đối với các dự án liên quan đến lĩnh vực bất động sản (theo Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản, tại Điều 3 quy định vốn pháp định đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản phải có vốn pháp định là 06 tỷ đồng Việt Nam và Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đất đai năm 2003.
- Luật Đầu tư năm 2005.
- Nghị định số 153/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản.
- Nghị định 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.
- Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

47. Thủ tục mua lại nhà xưởng, tài sản kèm quyền sử dụng đất để đầu tư (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Trường hợp mục tiêu không đối so với mục tiêu hiện hữu, Phòng Nghiệp vụ trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét ký văn bản hướng dẫn nhà đầu tư mới liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục đất đai theo quy định.

- Trường hợp mục tiêu thay đổi so với mục tiêu hiện hữu, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản lấy ý kiến của UBND huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, sở chuyên ngành; các địa phương và các ngành có ý kiến cụ thể bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Nghiệp vụ tổng hợp các ý kiến của các ngành và địa phương, lập tờ trình để trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét ký trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết trước khi hướng dẫn nhà đầu tư mới liên hệ Sở Kế hoạch và Đầu tư để làm thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục đất đai theo quy định.

- Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả gửi kết quả cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Hoặc gửi qua đường công văn. Văn bản sẽ được chuyển qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả vào sổ chuyển xử lý theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Đơn đề nghị thỏa thuận địa điểm đầu tư (tự viết hoặc theo mẫu).

+ Bản sao giấy phép thành lập doanh nghiệp (nếu chủ đầu tư là tổ chức kinh tế), hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu của người đại diện (nếu chủ đầu tư là cá nhân). Các bản sao nêu trên không cần chứng thực.

+ Phương án sơ bộ về dự án (đối với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư).

+ Hợp đồng mua nhà xưởng có xác nhận của cấp thẩm quyền.

+ Các giấy tờ bên bán chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu hợp pháp công trình chuyển nhượng cho bên mua (không cần chứng thực).

- Số lượng hồ sơ: 07 (bộ) có ít nhất 01 bộ bản chính.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định thời hạn.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính, sở quản lý ngành liên quan dự án, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị thỏa thuận địa điểm đầu tư (theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 26/3/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Bên bán tài sản trên đất đã hoàn thành các thủ tục đất đai, thủ tục xây dựng công trình theo quy định; bên mua có dự án đầu tư phù hợp với mặt bằng nhà xưởng mua lại. Việc mua bán tài sản trên đất giữa các bên liên quan phải có hợp đồng và được công chứng theo quy định của pháp luật (theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 26/3/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

48. Thủ tục điều chỉnh bổ sung văn bản thỏa thuận địa điểm (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Làm văn bản lấy ý kiến các ngành và địa phương có liên quan.
- Các địa phương và các ngành có ý kiến cụ thể bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Phòng Nghiệp vụ tổng hợp các ý kiến của các ngành và địa phương, lập tờ trình đề trình Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trường hợp ý kiến khác biệt, hoặc vấn đề phức tạp, mời họp tổ công tác liên ngành.

- Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét quyết định.

- Chuyển kết quả cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả gửi kết quả cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Hoặc gửi qua đường công văn. Văn bản sẽ được chuyển qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả vào sổ chuyển xử lý theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- + Đơn đề nghị điều chỉnh bổ sung, trong đó nêu rõ lý do điều chỉnh bổ sung.

- + Báo cáo tình hình đã triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư sau khi nhà đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản thỏa thuận địa điểm.

+ Sơ đồ vị trí địa điểm điều chỉnh bổ sung hợp lệ (trong trường hợp điều chỉnh bổ sung diện tích ranh giới địa điểm).

+ Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 07 (bộ) có ít nhất 01 bộ bản chính.

d) Thời hạn giải quyết: Trả kết quả trong vòng 25 ngày làm việc nếu hồ sơ hợp lệ và các ngành, địa phương trả lời đúng thời hạn quy định.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính, sở quản lý ngành liên quan dự án, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

49. Thủ tục gia hạn hiệu lực văn bản thỏa thuận địa điểm (dự án đầu tư sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Làm văn bản lấy ý kiến các ngành và địa phương liên quan.

- Các địa phương và các ngành có ý kiến cụ thể bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Phòng Nghiệp vụ tổng hợp các ý kiến của các ngành và địa phương, lập tờ trình để trình Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai xem xét quyết định.

Bước 4: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả gửi kết quả cho nhà đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường công văn đến Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Văn bản sẽ được chuyển qua Phòng Nghiệp vụ xử lý theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- + Đơn đề nghị gia hạn, trong đó nêu rõ lý do đề nghị gia hạn.
- + Báo cáo tình hình đã triển khai thực hiện các thủ tục đầu tư sau khi nhà đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp văn bản thỏa thuận địa điểm.
- + Bản sao văn bản thỏa thuận địa điểm (không cần chứng thực).
- + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 05 (bộ) có ít nhất 01 bộ bản chính.

d) Thời hạn giải quyết: Trả kết quả trong vòng 20 ngày làm việc nếu hồ sơ hợp lệ và các ngành, địa phương trả lời đúng thời hạn quy định.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (tùy vị trí đặt dự án).

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC: Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định thỏa thuận địa điểm dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

50. Thủ tục thanh lý dự án đầu tư, giải thể tổ chức kinh tế

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Cán bộ tiếp nhận ghi biên nhận hồ sơ chuyển Phòng Nghiệp vụ (Phòng Hợp tác Đầu tư xử lý).

Bước 3: Phòng Nghiệp vụ xử lý hồ sơ:

- Nếu hồ sơ có nội dung chưa phù hợp với quy định có văn bản trả lời hướng dẫn cho nhà đầu tư điều chỉnh bổ sung.

- Nếu nội dung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập tờ trình và dự thảo thông báo xóa tên doanh nghiệp trình Ban Giám đốc. Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh Đồng Nai có văn bản xóa tên doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường công văn đến Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Văn bản sẽ được chuyển qua Phòng Nghiệp vụ xử lý theo quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Thông báo thanh lý dự án đầu tư, giải thể doanh nghiệp.

+ Quyết định giải thể doanh nghiệp.

+ Các tài liệu liên quan để việc thanh lý dự án đầu tư, giải thể doanh nghiệp (chủ yếu là việc giải quyết công nợ đối với người lao động, thuê...).

+ Bản gốc giấy chứng nhận đầu tư và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh đã được cấp.

- Số lượng hồ sơ: 03 (bộ) có ít nhất 01 bộ bản chính.

d) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Hợp tác Đầu tư - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp: UBND tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Thông báo xóa tên doanh nghiệp hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đầu tư.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005.
- Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ BẢN

51. Thủ tục phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 3: Lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan, Sở Xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở. Khi có kết quả thiết kế cơ sở và ý kiến của các sở, ngành liên quan. Phòng Xây dựng Cơ bản có văn bản báo cáo thẩm định trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền (Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai “Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 05 tỷ đồng”).

Bước 4: Sau khi có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.
- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (Phụ lục II kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

+ Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo Điều 13, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Số lượng hồ sơ: Từ 07 đến 10 bộ (do tính chất của từng dự án cụ thể nên gửi cho các sở, ngành liên quan có khác nhau).

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Riêng dự án có nguồn vốn phải do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định (ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, vốn Trái phiếu Chính phủ) thì thời gian thực hiện không quá 40 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 8301/UBND-CNN ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

h) Phí, lệ phí: Tùy thuộc vào % giá trị công trình (theo biểu mức thu lệ phí thẩm định đầu tư (ban hành kèm theo Thông tư 176/2011/TT-BTC hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

52. Thủ tục thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 3: Tổ chức thẩm định xem xét các nguyên nhân dẫn đến điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật phải tuân thủ (theo Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình). Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt (đối với báo cáo kinh tế kỹ thuật do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền), gửi chủ đầu tư.

Bước 4: Trả kết quả. Sau khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật (nêu các nguyên nhân dẫn đến phải điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật và phải tuân thủ trong

các trường hợp tại Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ trường hợp tại Khoản 2 của Điều này).

+ Hồ sơ điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật để thẩm định lại (theo Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định điều chỉnh báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm theo dự thảo quyết định duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 05 tỷ đồng (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

53. Thủ tục thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 3: Lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt (đối với báo cáo kinh tế kỹ thuật do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền), gửi chủ đầu tư.

Bước 4: Trả kết quả. Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (Phụ lục II kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

+ Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật (theo Điều 13, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Số lượng hồ sơ: Từ 07 đến 10 bộ (do tính chất của từng dự án cụ thể nên gửi cho các sở, ngành liên quan có khác nhau).

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Riêng dự án có nguồn vốn phải do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định (ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, vốn Trái phiếu Chính phủ) thì thời gian thực hiện không quá 40 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 8301/UBND-CNN ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

h) Phí, lệ phí: Tùy thuộc vào % giá trị công trình (theo biểu mức thu lệ phí thẩm định đầu tư Thông tư 176/2011/TT-BTC hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm theo dự thảo quyết định duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư từ 05 tỷ đồng trở lên (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 05 tỷ đồng (theo Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.
- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.
- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,

TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0613.941869 - 0613.847291

Fax: 0613.847292

Email: congbao@dongnai.gov.vn

Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>

In tại Xí nghiệp In Đồng Nai

Giá: 18.000 đồng

54. Thủ tục thẩm định dự án đầu tư (mức 02)**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư (theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 3:

- Lấy ý của các sở ngành liên quan, Sở Xây dựng chuyên ngành thẩm định thiết kế cơ sở. Khi có kết quả thiết kế cơ sở và ý kiến của các sở ngành liên quan.

- Phòng Xây dựng Cơ bản có văn bản báo cáo thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai quyết định đầu tư (Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai “Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai quyết định đầu tư các dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) sử dụng vốn ngân sách tỉnh có tổng mức đầu tư 05 tỷ đồng trở lên”).

Bước 4: Sau khi có quyết định phê duyệt dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt dự án (Phụ lục II kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

+ Hồ sơ dự án (theo Điều 9, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Số lượng hồ sơ: Từ 07 đến 10 bộ (do tính chất của từng dự án cụ thể nên gửi cho các sở ngành liên quan có khác nhau).

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 40 ngày, 30 ngày, 20 ngày làm việc, tương ứng đối với dự án nhóm A, B, C kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Riêng dự án có nguồn vốn phải do Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định (ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương, vốn Trái phiếu Chính phủ) thì thời gian thực hiện không quá 80 ngày, 60 ngày, 40 ngày làm việc, tương ứng đối với dự án nhóm A, B, C kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (theo quy định tại Công văn hướng dẫn số 8301/UBND-CNN ngày 23/11/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

h) Phí, lệ phí: Tùy thuộc vào % giá trị công trình (theo biểu mức thu lệ phí thẩm định đầu tư Thông tư 176/2011/TT-BTC hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng).

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định dự án đầu tư, kèm theo dự thảo quyết định duyệt dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

55. Thủ tục thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư (theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 3: Tổ chức thẩm định xem xét các nguyên nhân dẫn đến điều chỉnh dự án đầu tư phải tuân thủ (theo Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình). Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh dự án, gửi chủ đầu tư.

Bước 4: Trả kết quả sau khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án (nêu các nguyên nhân dẫn đến phải điều chỉnh dự án đầu tư và phải tuân thủ trong các trường hợp tại Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ trường hợp tại Khoản 2 của Điều này).

+ Hồ sơ điều chỉnh dự án để thẩm định lại (theo Điều 14, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 40 ngày, 30 ngày, 20 ngày làm việc, tương ứng đối với dự án nhóm A, B, C kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ trình thẩm định dự án (theo mẫu tại Phụ lục II, Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư, kèm theo dự thảo quyết định duyệt dự án đầu tư trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Xây dựng số 11/2003/QH11 ngày 26/11/2003.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

- Quyết định số 27/2009/QĐ-UBND ngày 21/4/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thẩm định, quyết định đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

56. Thủ tục thẩm định điều chỉnh kế hoạch đầu thầu (mức 01)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

Bước 3: Tổ chức thẩm định xem xét các nguyên nhân dẫn đến điều chỉnh kế hoạch đấu thầu. Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu (đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền), có gửi văn bản báo cáo thẩm định đến chủ đầu tư để biết.

Bước 4: UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu.

Bước 5: Trả kết quả. Sau khi có quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

Buổi sáng: Từ 07h30' đến 11h30'.

Buổi chiều: Từ 13h30' đến 16h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu (có nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh).

+ Hồ sơ kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng) bao gồm: Quyết định kế hoạch đấu thầu được duyệt, các văn bản pháp lý khác liên quan (nếu có), nội dung của gói thầu đề nghị điều chỉnh kế hoạch đấu thầu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thẩm định thực hiện không quá 20 ngày làm việc (thời gian thẩm định kế hoạch đấu thầu tại Điều 31, Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định điều chỉnh kế hoạch đấu thầu, kèm theo dự thảo quyết định duyệt điều chỉnh kế hoạch đấu thầu trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn, gói thầu xây lắp, thiết bị thuộc dự án do UBND tỉnh Đồng Nai quyết định đầu tư trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự án từ 05 tỷ đồng trở lên theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt các gói thầu xây lắp, thiết bị thuộc dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền (đối với các dự án dưới 05 tỷ đồng theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.

- Thông tư số 05/2010/TT-BKH ngày 10/02/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.

- Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

57. Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

Bước 3: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và có văn bản báo cáo thẩm định trình Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu (đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền theo Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về quy định thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai “Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt các gói thầu xây lắp, thiết bị thuộc dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền”), có gửi văn bản báo cáo thẩm định đến chủ đầu tư để biết.

Bước 4: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

Bước 5: Trả kết quả. Sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

+ Hồ sơ kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng) bao gồm: Quyết định đầu tư; quyết định thiết kế dự toán được duyệt (nếu có); nguồn vốn cho dự án, các văn bản pháp lý khác liên quan (nếu có); nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Điều 31, Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu (theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản xác nhận.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC: Không.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.

- Thông tư số 05/2010/TT-BKH ngày 10/02/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.

- Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

58. Thủ tục thẩm định kế hoạch đấu thầu (mức 02)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ đầu tư đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận hồ sơ do chủ đầu tư trình thẩm định kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và có văn bản báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch đấu thầu hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt KHĐT (đối với dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền), có gửi văn bản báo cáo thẩm định đến chủ đầu tư để biết.

Bước 4: UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

Bước 5: Trả kết quả. Sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo đến chủ đầu tư biết và trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30' (trừ thứ Sáu).

(Trừ ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư, tầng 03, số 2, đường Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu.

+ Hồ sơ kế hoạch đấu thầu (theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng) bao gồm: Quyết định đầu tư; quyết định thiết kế dự toán được duyệt (nếu có); nguồn vốn cho dự án, các văn bản pháp lý khác liên quan (nếu có); nội dung của từng gói thầu trong kế hoạch đấu thầu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Thời gian thực hiện không quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Điều 31, Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005).

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xây dựng Cơ bản - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

f) Đối tượng thực hiện: Tổ chức.

g) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu (theo Phụ lục I kèm theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng).

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Kết quả của việc thực hiện TTHC: Văn bản báo cáo thẩm định, kèm theo dự thảo quyết định duyệt kế hoạch đấu thầu trình cấp có thẩm quyền ký.

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:

- Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt kế hoạch đấu thầu các gói thầu dịch vụ tư vấn, gói thầu xây lắp, thiết bị thuộc dự án do UBND tỉnh Đồng Nai quyết định đầu tư trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với các dự

án từ 05 tỷ đồng trở lên theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

- Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt các gói thầu xây lắp, thiết bị thuộc dự án do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư theo phân cấp ủy quyền (đối với các dự án dưới 05 tỷ đồng theo Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội.

- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo Luật Xây dựng.

- Thông tư số 05/2010/TT-BKH ngày 10/02/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa.

- Quyết định số 3564/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền, phân cấp thẩm định, phê duyệt hồ sơ đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

III. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

59. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng

Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký thành lập mới doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Bản sao hợp lệ của một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp của chủ doanh nghiệp tư nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với doanh nghiệp tư nhân kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh hoặc của cá nhân khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, hồ sơ bao gồm: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hồ sơ bao gồm: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phải thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai: Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

+ Đăng ký đổi tên doanh nghiệp, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (trường hợp chuyển trụ sở chính đến nơi khác trong cùng địa bàn tỉnh), hồ sơ bao gồm:

Thông báo về thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (trường hợp chuyển trụ sở chính từ tỉnh, thành phố khác đến tỉnh Đồng Nai), hồ sơ bao gồm:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Thông báo về thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc tăng vốn điều lệ. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định thì phải có thêm văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của doanh nghiệp, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân có chữ ký của người bán, người tặng cho và người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; chữ ký của người được thừa kế đối với trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích.

Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế.

Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp và các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng, tặng cho đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân; giấy chứng tử, tuyên bố mất tích của Tòa án đối với chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích, văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hồ sơ bao gồm:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện để được đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến nhận thông báo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân và các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp tư nhân, hồ sơ bao gồm: Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp; Doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tư nhân (theo mẫu Phụ lục I-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo mẫu Phụ lục III-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu Phụ lục III-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (theo mẫu Phụ lục III-7, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu Phụ lục III-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-12, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- Lệ phí đối với trường hợp thành lập mới: 100.000 đồng/lần cấp.

- Lệ phí đối với các trường hợp còn lại: 20.000 đồng/lần cấp.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc giấy biên nhận đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh (tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ở tình trạng tạm ngừng kinh doanh).

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

60. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH một thành viên

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh

Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký thành lập mới công ty TNHH một thành viên, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Dự thảo điều lệ công ty có đầy đủ chữ ký của chủ sở hữu công ty, người đại diện theo pháp luật đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân; người đại diện theo ủy

quyền, người đại diện theo pháp luật đối với chủ sở hữu công ty là tổ chức. Chủ sở hữu công ty phải chịu trách nhiệm về sự phù hợp pháp luật của điều lệ công ty.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước).

Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Khoản 3, Điều 67 của Luật Doanh nghiệp lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Kèm theo danh sách này phải có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của từng đại diện theo ủy quyền.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Khoản 4, Điều 67 của Luật Doanh nghiệp.

Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty hoặc hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về việc thành lập chi nhánh.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh hoặc của cá nhân khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, hồ sơ bao gồm: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hồ sơ bao gồm:

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phải thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

+ Đăng ký đổi tên công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc đổi tên doanh nghiệp. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính đến nơi khác trong cùng địa bàn tỉnh), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính từ tỉnh, thành phố khác đến tỉnh Đồng Nai), hồ sơ bao gồm:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao điều lệ đã sửa đổi của công ty.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên là tổ chức.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định thì phải có thêm văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn đại diện của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi vốn điều lệ. Quyết định phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Quyết định bằng văn bản của chủ sở hữu công ty về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Quyết định của chủ sở hữu công ty phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi chủ sở hữu đối với công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do chủ sở hữu hoặc đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ và chủ sở hữu mới hoặc đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký.

Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người nhận chuyển nhượng trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức; bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24 Nghị định này của người đại diện theo ủy quyền.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty.

Hợp đồng chuyển nhượng vốn và các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện để được đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến nhận thông báo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, hồ sơ bao gồm:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp: Doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc tạm ngừng kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên (theo mẫu Phụ lục I-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên đối với chủ sở hữu là tổ chức (theo mẫu Phụ lục II-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo mẫu Phụ lục III-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu Phụ lục III-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo mẫu Phụ lục III-7, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên (theo mẫu Phụ lục III-8, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu Phụ lục III-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-12, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- Lệ phí đối với trường hợp thành lập mới: 200.000 đồng/lần cấp.

- Lệ phí đối với các trường hợp còn lại: 20.000 đồng/lần cấp.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc giấy biên nhận đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh (tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ở tình trạng tạm ngừng kinh doanh).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.
- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.
- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.
- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.
- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.
- Quy chế liên ngành số 54/QCPh/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

61. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký doanh nghiệp đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Dự thảo điều lệ công ty. Dự thảo điều lệ công ty phải có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật, của các thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Các thành viên phải cùng nhau chịu trách nhiệm về sự phù hợp pháp luật của điều lệ công ty.

Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Kèm theo danh sách thành viên phải có: Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ đối với trường hợp thành viên sáng lập hoặc cổ đông sáng lập là cá nhân; bản sao hợp lệ quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính

phủ của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với trường hợp thành viên sáng lập hoặc cổ đông sáng lập là pháp nhân.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của một hoặc một số cá nhân đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần nếu công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh hoặc của cá nhân khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

+ Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

+ Đăng ký đổi tên công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc đổi tên công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính đến nơi khác trong cùng địa bàn tỉnh), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính từ tỉnh, thành phố khác đến tỉnh Đồng Nai), hồ sơ bao gồm:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao điều lệ đã sửa đổi của công ty.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định thì phải có thêm văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, doanh nghiệp phải cam kết bảo đảm đủ các khoản nợ cũng như nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả sau khi giảm vốn, Kèm theo thông báo phải có báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất với thời điểm giảm vốn điều lệ.

Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên công ty (trường hợp tiếp nhận thành viên mới), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới; giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của công ty; bản sao quyết định thành lập; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên là tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của thành viên là cá nhân. Quyết định, biên bản họp của hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên công ty (trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty; bản sao quyết định thành lập, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên mới là tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của thành viên mới là cá nhân.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên công ty (do tặng, cho phần vốn góp), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có hợp đồng tặng cho phần vốn góp và các giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng có xác nhận của công ty; bản sao quyết định thành lập, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên mới là tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của thành viên mới là cá nhân.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên công ty (trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có văn bản chứng nhận việc thừa kế hợp pháp của người nhận thừa kế; bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người thừa kế.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên công ty (trường hợp thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Khoản 3, Điều 39 Luật Doanh nghiệp), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn, danh sách các thành viên còn lại của công ty. Quyết định, biên bản họp của hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế. (Đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện để được đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến nhận thông báo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, hồ sơ bao gồm:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp: Doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản và biên bản họp hội đồng thành viên công ty về việc tạm ngừng kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo mẫu Phụ lục I - 3, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (theo mẫu Phụ lục II-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo mẫu Phụ lục III-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu Phụ lục III-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo mẫu Phụ lục III-7, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu Phụ lục III-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-12, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- Lệ phí đối với trường hợp thành lập mới: 200.000 đồng/lần cấp.

- Lệ phí đối với các trường hợp còn lại: 20.000 đồng/lần cấp.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc giấy biên nhận đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh (tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ở tình trạng tạm ngừng kinh doanh).

j) Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.
- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

62. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh

Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký thành lập mới Công ty cổ phần, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Dự thảo điều lệ công ty. Dự thảo điều lệ công ty phải có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật, của các cổ đông sáng lập hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau chịu trách nhiệm về sự phù hợp pháp luật của điều lệ công ty.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Kèm theo danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông sáng lập phải có: Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp cổ đông sáng lập là cá nhân; bản sao hợp lệ quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với trường hợp cổ đông sáng lập là pháp nhân.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của một hoặc một số cá nhân đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần nếu công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng quản trị công ty về việc thành lập chi nhánh.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh hoặc của cá nhân khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

+ Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của công ty, hồ sơ bao gồm: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp có trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phải thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai: Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài; bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

+ Đăng ký đổi tên công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc đổi tên công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính đến nơi khác trong cùng địa bàn tỉnh), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính từ tỉnh, thành phố khác đến tỉnh Đồng Nai), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao điều lệ đã sửa đổi.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định thì phải có thêm văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp đối với công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty (trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 84, Luật Doanh nghiệp năm 2005), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông sáng lập do không thực hiện cam kết góp vốn. Quyết định, biên bản họp của đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với cá nhân là người nhận góp bù.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty (trong trường hợp quy định tại Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông sáng lập. Quyết định, biên bản họp của đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần và các giấy tờ chứng thực việc hoàn tất chuyển nhượng.

Bản sao quyết định thành lập, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với cổ đông sáng lập nhận chuyển nhượng là tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của cổ đông sáng lập nhận chuyển nhượng là cá nhân.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập công ty do tặng, cho cổ phần, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kèm theo thông báo phải có: Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông sáng lập. Quyết định, biên bản họp của đại hội đồng cổ đông phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Hợp đồng tặng, cho cổ phần và các giấy tờ chứng thực việc hoàn tất chuyển nhượng.

Bản sao quyết định thành lập, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với cổ đông sáng lập nhận chuyển nhượng là tổ chức hoặc bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của cổ đông sáng lập nhận chuyển nhượng là cá nhân.

Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của đại hội đồng cổ đông công ty về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh của người thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện để được đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến nhận thông báo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, hồ sơ gồm có:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp: Doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản và biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty về việc tạm ngừng kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (theo mẫu Phụ lục I-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần (theo mẫu Phụ lục II-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo mẫu Phụ lục III-1, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu Phụ lục III-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo mẫu Phụ lục III-7, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu Phụ lục III-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-12, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp).

theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- Lệ phí đối với trường hợp thành lập mới: 200.000 đồng/lần cấp.

- Lệ phí đối với các trường hợp còn lại: 20.000 đồng/lần cấp.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc giấy biên nhận đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh (tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ở tình trạng tạm ngừng kinh doanh).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

63. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với công ty hợp danh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử: Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn thực hiện việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy định tại Chương IV, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04/6/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký thành lập mới công ty hợp danh, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Dự thảo điều lệ công ty. Dự thảo điều lệ công ty phải có đầy đủ chữ ký của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh. Các thành viên phải cùng nhau chịu trách nhiệm về sự phù hợp pháp luật của điều lệ công ty.

Danh sách thành viên công ty hợp danh: Theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Kèm theo danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông sáng lập phải có: Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân; bản sao hợp lệ quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền và quyết định ủy quyền tương ứng đối với trường hợp thành viên sáng lập hoặc cổ đông sáng lập là pháp nhân.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của một hoặc một số cá nhân đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần nếu công ty kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đối với công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh công ty về việc thành lập chi nhánh.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh hoặc của cá nhân khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

+ Đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh của công ty, hồ sơ bao gồm: Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

+ Thủ tục thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài.

Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương.

+ Đăng ký đổi tên công ty, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc đổi tên công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính đến nơi khác trong cùng địa bàn tỉnh), hồ sơ bao gồm:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty (trường hợp chuyển trụ sở chính từ tỉnh, thành phố khác đến tỉnh Đồng Nai), hồ sơ bao gồm:

Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Bản sao điều lệ đã sửa đổi.

Danh sách thành viên công ty hợp danh.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh của công ty, hồ sơ gồm có:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định thì phải có thêm văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp đối với công ty, hồ sơ gồm có:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty. Quyết định và biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Danh sách thành viên công ty hợp danh.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh, hồ sơ gồm có:

Trường hợp tiếp nhận thành viên hợp danh mới, chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo các Khoản 1, 2 và 3, Điều 138 của Luật Doanh nghiệp, công ty hợp danh gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi công ty đã đăng ký. Nội dung thông báo gồm: Tên, mã số doanh nghiệp, mã số thuế hoặc số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp doanh nghiệp chưa có mã số doanh nghiệp và mã số thuế); họ, tên, số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ thường trú của thành viên hợp danh mới, của thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên hợp danh; chữ ký của tất cả thành viên hợp danh hoặc thành viên hợp danh được ủy quyền, trừ thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên hợp danh.

Những nội dung được sửa đổi trong điều lệ công ty.

Kèm theo thông báo phải có bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của thành viên hợp danh mới.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với công ty, hồ sơ gồm có:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Khi thay đổi các nội dung đã đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện để được đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp chuyển trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đã đăng ký, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến và Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện. Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện dự định chuyển đến nhận thông báo và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp chưa đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp).

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hoạt động mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, hồ sơ gồm có:

Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp: Doanh nghiệp thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký và cơ quan thuế ít nhất mười lăm (15) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản và biên bản họp các thành viên hợp danh công ty về việc tạm ngừng kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty hợp danh (theo mẫu Phụ lục I-5, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty hợp danh (theo mẫu Phụ lục II-3, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (theo mẫu Phụ lục III-2, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (theo mẫu Phụ lục III-7, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (theo mẫu Phụ lục III-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp (theo mẫu Phụ lục III-12, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- Lệ phí đối với trường hợp thành lập mới: 100.000 đồng/lần cấp.

- Lệ phí đối với các trường hợp còn lại: 20.000 đồng/lần cấp.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc giấy biên nhận đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh (tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trong hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia ở tình trạng tạm ngừng kinh doanh).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

64. Thủ tục đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp chia công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần (CP) thành một số công ty cùng loại hình, hồ sơ gồm có:

Trường hợp chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần thành một số công ty cùng loại, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 20, Điều 21, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (xem chi tiết đối với từng trường hợp cụ thể tại Điểm c của các thủ tục: 2, 3, 4 và 5 Bộ thủ tục này); hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có quyết định chia công ty theo quy định tại Điều 150 của Luật Doanh nghiệp, biên bản họp hội đồng thành viên đối với công ty

trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, biên bản họp đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc chia công ty và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần (CP) thành một số công ty mới cùng loại hình, hồ sơ gồm:

Trường hợp tách công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần để thành lập một hoặc một số công ty mới cùng loại, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 20, Điều 21, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (xem chi tiết đối với từng trường hợp cụ thể tại Điểm c của các thủ tục: 2, 3, 4 và 5 Bộ thủ tục này); hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty được tách phải có quyết định tách công ty theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, biên bản họp hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, biên bản họp đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc tách công ty và bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp hợp nhất một số công ty cùng loại thành một công ty mới, hồ sơ gồm có:

Trường hợp hợp nhất một số công ty cùng loại thành một công ty mới, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 20, Điều 21, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (xem chi tiết đối với từng trường hợp cụ thể tại Điểm c của các thủ tục: 2, 3, 4 và 5 Bộ thủ tục này); hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có hợp đồng hợp nhất công ty theo quy định tại Điều 152 của Luật Doanh nghiệp, biên bản họp và quyết định của hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, biên bản họp và quyết định của đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc hợp nhất và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty cùng loại vào một công ty khác, hồ sơ gồm có: Trường hợp sáp nhập một hoặc một số công ty vào một công ty khác cùng loại, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 20, Điều 21, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ (xem chi tiết đối với từng trường hợp cụ thể tại Điểm c của các thủ tục: 2, 3, 4 và 5 Bộ thủ tục này); trong

hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập phải có thêm hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, biên bản họp và quyết định của hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, biên bản họp đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc sáp nhập và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty nhận sáp nhập và các công ty bị sáp nhập.

+ Đăng ký chuyển đổi công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH có hai thành viên trở lên, hồ sơ gồm có:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 22, Luật Doanh nghiệp.

Danh sách thành viên theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân và bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức.

Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ xác nhận việc tặng cho một phần quyền sở hữu của công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần sở hữu của mình tại công ty cho một hoặc một số cá nhân khác; quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ một hoặc một số cá nhân khác.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên, hồ sơ gồm có:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Điều lệ công ty chuyển đổi theo quy định tại Điều 22, Luật Doanh nghiệp.

Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương đối với trường hợp chủ sở hữu là tổ chức hoặc bản sao một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân khác quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 3, Điều 67, Luật Doanh nghiệp; bản sao một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền đối với trường hợp công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 67, Luật Doanh nghiệp.

Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty.

Quyết định bằng văn bản và bản sao biên bản họp của hội đồng thành viên về việc chuyển đổi loại hình công ty.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần và ngược lại, hồ sơ gồm có:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc quyết định và biên bản họp của hội đồng thành viên hoặc đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty.

Điều lệ công ty sau khi chuyển đổi.

Danh sách thành viên hoặc danh sách cổ đông sáng lập hoặc cổ đông phổ thông và các giấy tờ theo quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Luật Doanh nghiệp.

Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 3, Điều 67, Luật Doanh nghiệp; bản sao một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của người đại diện theo ủy quyền đối với trường hợp công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 67, Luật Doanh nghiệp.

Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

+ Đăng ký doanh nghiệp chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn, hồ sơ gồm có:

Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.

Điều lệ công ty.

Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý.

Danh sách thành viên theo quy định tại Điều 23 của Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân và bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức hoặc là người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 3, Điều 67, Luật Doanh nghiệp; bản sao một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị

định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ của người đại diện theo ủy quyền đối với trường hợp công ty TNHH một thành viên được tổ chức theo quy định tại Khoản 4, Điều 67, Luật Doanh nghiệp.

Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn.

Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó.

Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.

Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới, doanh nghiệp nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũ (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế cũ).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty CP (theo mẫu Phụ lục I-2, I-3, I-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, cổ đông sáng lập công ty CP, người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH một thành viên (đối với chủ sở hữu là tổ chức, theo mẫu Phụ lục II-1, II-2; II-4, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

h) Lệ phí:

- 200.000 đồng/lần cấp (đối với trường hợp thành lập pháp nhân mới).

- 20.000 đồng/lần cấp (đối với trường hợp không thành lập pháp nhân mới).

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuê với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

65. Thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên

Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký kinh doanh thành lập mới tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí, hồ sơ bao gồm:

Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

Quyết định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ sang hoạt động theo cơ chế tự trang trải kinh phí.

Quyết định bổ nhiệm Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan tổ chức có thẩm quyền đối với tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ và các chức danh quản lý khác được quy định tại điều lệ đối với tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trong lĩnh vực mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

+ Đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí, hồ sơ bao gồm:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học công nghệ (đối với trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện nằm ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính của tổ chức khoa học và công nghệ).

Bản sao điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

Quyết định của Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Đối với chi nhánh kinh doanh ngành nghề phải có chứng chỉ hành nghề thì phải có thêm bản sao chứng chỉ hành nghề của người đứng đầu chi nhánh.

Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 24, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

+ Đăng ký hoạt động đối với địa điểm kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí, hồ sơ gồm có:

Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh.

Quyết định của Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ về việc lập địa điểm kinh doanh.

+ Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ tự trang trải kinh phí và các đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh), hồ sơ gồm có: Quyết định của Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí:

- 200.000 đồng/lần cấp đổi với trường hợp thành lập mới tổ chức.

- 20.000 đồng/lần cấp đổi với trường hợp còn lại.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ (theo Mẫu số 01, Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện (theo Mẫu số 02, Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

- Thông báo thành lập địa điểm kinh doanh (theo Mẫu số 03, Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư Liên tịch số 12/2006/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của liên bộ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Thông tư Liên tịch số 36/2011/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 26/12/2011 của liên bộ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Thông tư Liên tịch số 12/2006/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 05/6/2006 của liên bộ Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

- Công văn số 3831/BKH-PTDN ngày 04/6/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Công văn số 5093/BKHĐT-ĐKKD ngày 03/8/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học công nghệ.

66. Thủ tục thay đổi, hiệu đính thông tin; cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án; chấm dứt hoạt động, giải thể doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp sẽ không được hoàn lại cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và nhận giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế: Trường hợp doanh nghiệp thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Nội dung thông báo gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nội dung thay đổi thông tin đăng ký thuế.

+ Đăng ký bổ sung thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ gồm có: Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung thay đổi những thông tin về số điện thoại, fax, email, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ của cá nhân trong hồ sơ đăng ký kinh doanh thì doanh nghiệp gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 (theo Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp) đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ Đăng ký bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ gồm có: Trường hợp doanh nghiệp chỉ bổ sung các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà không làm thay đổi nội dung của giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì doanh nghiệp gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục III-9 (theo Thông tư

số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp) đến Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

+ Hiệu đính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ gồm có: Trường hợp doanh nghiệp phát hiện nội dung thông tin về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp không có hoặc không chính xác do quá trình chuyển đổi dữ liệu, doanh nghiệp gửi thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để bổ sung hoặc hiệu đính thông tin. Kèm theo thông báo phải có bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.

+ Đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ gồm có: Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp có thể gửi giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp.

+ Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án, hồ sơ gồm có:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với nội dung thay đổi theo quyết định của Tòa án.

Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tương ứng với các nội dung thay đổi của doanh nghiệp.

+ Đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hồ sơ gồm có:

Quyết định của doanh nghiệp về chấm dứt hoạt động chi nhánh hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.

Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động.

Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh.

Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh.

+ Đăng ký giải thể doanh nghiệp, hồ sơ gồm có:

Quyết định giải thể hoặc quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố giải thể doanh nghiệp.

Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội.

Danh sách người lao động hiện có và quyền lợi người lao động đã được giải quyết.

Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế.

Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế: Phê duyệt.

- Trường hợp đăng ký bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp: Giấy biên nhận.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, giải thể doanh nghiệp: Quyết định hành chính.

- Trường hợp đăng ký bổ sung thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hiệu đính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí:

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký thuế; đăng ký bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, giải thể doanh nghiệp: Quyết định hành chính; trường hợp đăng ký bổ sung thông tin trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hiệu đính giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Không thu lệ phí.

- Trường hợp đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án: 20.000 đồng/lần cấp (theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế (Phụ lục III-10, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Phụ lục III-9, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Giấy đề nghị hiệu đính thông tin (Phụ lục III-11, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (áp dụng cho trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án - theo mẫu Phụ lục III-6, Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định (nếu có).

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Luật Quản lý thuế năm 2006.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

67. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

a) Trình tự thực hiện:

- Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo:

+ Nếu Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp là giả mạo thì ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Nếu Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo thì ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp thành viên hợp danh của doanh nghiệp đã đăng ký thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo Khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp:

Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp thay đổi thành viên thuộc đối tượng không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, cổ đông sáng lập công ty cổ phần và thành viên hợp danh của doanh nghiệp đã đăng ký thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo Khoản 2, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp:

+ Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân là chủ sở hữu: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu, công ty cổ phần và công ty hợp danh: Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký ra thông báo bằng văn bản yêu cầu doanh nghiệp thay đổi thành viên hoặc cổ đông thuộc đối tượng

không được quyền thành lập doanh nghiệp trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Quá thời hạn nói trên mà doanh nghiệp không đăng ký thay đổi thành viên hoặc cổ đông, thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại Điểm g, Khoản 2, Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn của yêu cầu báo cáo, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến trụ sở của Phòng Đăng ký kinh doanh để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì Phòng Đăng ký kinh doanh ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh phát hiện doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề bị cấm thì ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đồng thời thông báo với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 93 Luật Quản lý thuế thì sau khi nhận được văn bản yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 102 Luật Quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 3 Điều này.

- Sau khi nhận được quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện giải thể theo quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp. Sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp, thì doanh nghiệp coi như đã được giải thể và Phòng Đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, tất cả thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân, tất cả thành viên hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán.

- Thông tin về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được nhập vào hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp Quốc gia và gửi sang cơ quan thuế trong thời hạn hai ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ, bao gồm: Không.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Doanh nghiệp năm 2005.

- Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- Thông tư số 14/2010/TT-BKH ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

IV. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC XÃ (BAO GỒM HỢP TÁC XÃ VÀ LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ)

68. Đăng ký kinh doanh hợp tác xã, liên hiệp HTX và các đơn vị trực thuộc

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký kinh doanh thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ gồm:

Đơn đăng ký kinh doanh (theo mẫu HTXMD).

Điều lệ của hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu quy định tại Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã).

Số lượng xã viên hợp tác xã hoặc danh sách hợp tác xã thành viên của liên hiệp HTX; danh sách ban quản trị hợp tác xã hoặc hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã theo mẫu HTXDS.

Biên bản đã được thông qua tại hội nghị thành lập hợp tác xã hoặc liên hiệp HTX theo quy định tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 11, Luật Hợp tác xã năm 2003. Biên bản do Trưởng ban quản trị hợp tác xã hoặc chủ tịch hội đồng quản trị của liên hiệp hợp tác xã ký.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị theo quy định đối với hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Tờ khai đăng ký thuế (theo mẫu).

+ Đăng ký lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hồ sơ gồm có:

Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo mẫu (ngành nghề đăng ký kinh doanh của chi nhánh, văn phòng đại diện phải phù hợp với nội dung hoạt động của hợp tác xã).

Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện. Biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề trong trường hợp chi nhánh kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Tờ khai đăng ký thuế (theo mẫu).

+ Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị theo quy định đối với hợp tác xã bổ sung các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị và biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc thay đổi nơi đăng ký kinh doanh của hợp tác xã.

Hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh mới và thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh do cơ quan đăng ký kinh doanh cũ đã trả lại cho hợp tác xã.

+ Đăng ký thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã (trong phạm vi tỉnh hoặc từ tỉnh khác chuyển đến), hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tờ khai đăng ký thuế (theo mẫu).

+ Đăng ký đổi tên hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc đổi tên hợp tác xã.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Đăng ký thay đổi số lượng xã viên, ban kiểm soát hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc khai trừ xã viên, kết nạp xã viên mới, xã viên ra khỏi hợp tác xã làm thay đổi số lượng xã viên hợp tác xã; thay đổi danh sách ban kiểm soát hợp tác xã.

+ Đăng ký thay người đại diện theo pháp luật, danh sách ban quản trị hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, danh sách ban quản trị hợp tác xã.

Bản sao chứng chỉ hành nghề của người đại diện theo pháp luật hoặc thành viên ban quản trị đối với trường hợp người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, thành viên ban quản trị hợp tác xã được thay đổi là người duy nhất có chứng chỉ hành nghề.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc thay đổi vốn điều lệ của hợp tác xã.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tờ khai đăng ký thuế (theo mẫu).

Trường hợp giảm vốn điều lệ đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định thì chỉ đăng ký giảm vốn điều lệ, nếu mức vốn điều lệ đăng ký sau khi giảm không thấp hơn mức vốn pháp định áp dụng đối với ngành, nghề đó.

+ Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí:

- 200.000 đồng/lần cấp đối với trường hợp đăng ký thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký thay đổi nơi đăng ký kinh doanh và thay đổi trụ sở chính của hợp tác xã (trường hợp chuyển địa chỉ từ tỉnh khác đến Đồng Nai).

- 20.000 đồng/lần cấp đối với các trường hợp còn lại (Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã (theo mẫu Phụ lục HTXMD, Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

- Sổ lượng xã viên, danh sách thành viên của liên hiệp hợp tác xã, ban quản trị, hội đồng quản trị, ban kiểm soát theo mẫu Phụ lục HTXDS theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

- Thông báo thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện (theo mẫu Phụ lục HTXTB-1 theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

- Thông báo về đăng ký kinh doanh (theo mẫu Phụ lục HTXTB-2 theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Luật Quản lý thuế và đăng ký thuế.

Xem lại và bổ sung mẫu tờ khai.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPh/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

69. Thủ tục đăng ký chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký chia hợp tác xã thành một số hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký kinh doanh (theo mẫu HTXMD).

Điều lệ của hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu quy định tại Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã).

Danh sách ban quản trị hợp tác xã hoặc hội đồng quản trị liên hiệp hợp tác xã theo mẫu HTXDS.

Nghị quyết của đại hội xã viên về việc chia HTX.

Phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức, nhân sự, xã viên và lao động (gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc của hợp tác xã) khi chia.

Phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến việc chia HTX đã thảo luận với các chủ nợ, tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã bị chia.

Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị theo quy định đối với hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Đối với cán bộ, công chức khi tham gia là xã viên hợp tác xã phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ công chức.

+ Đăng ký kinh doanh hợp tác xã bị tách, hồ sơ gồm có:

Nghị quyết của đại hội xã viên về việc tách hợp tác xã.

Phương án giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tách đã thảo luận với các chủ nợ, tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã.

Thông báo về việc tiếp tục hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp (đối với hợp tác xã có chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc).

Thông báo về đăng ký kinh doanh (Mẫu HTXTB-2).

Điều lệ hợp tác xã sửa đổi (nếu có sửa đổi).

Số lượng xã viên, danh sách ban quản trị, ban kiểm soát hợp tác xã (mẫu HTXDS) (nếu có sự thay đổi).

Quyết định của ban quản trị và biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về những nội dung có thay đổi so với ban đầu chưa tách.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hợp tác xã bị tách.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

Bản sao hợp lệ xác nhận vốn pháp định do cơ quan có thẩm quyền cấp cho hợp tác xã (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

+ Đăng ký kinh doanh hợp tác xã được tách, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký kinh doanh theo mẫu HTXMD.

Điều lệ của hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã (theo mẫu quy định tại Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã).

Số lượng xã viên hợp tác xã; danh sách ban quản trị hợp tác xã; danh sách ban kiểm soát của hợp tác xã, theo mẫu HTXDS.

Nghị quyết của đại hội xã viên về việc tách HTX, phương án xử lý tài sản, vốn, quỹ, tổ chức, nhân sự, xã viên và lao động (gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc của hợp tác xã) khi tách; phương án giải quyết các vấn

đề liên quan đến việc tách HTX đã thảo luận với các chủ nợ, tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

Bản sao hợp lệ xác nhận vốn pháp định do cơ quan có thẩm quyền cấp cho hợp tác xã (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

+ Đăng ký kinh doanh hợp nhất hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký kinh doanh theo mẫu HTXMD.

Điều lệ của hợp tác xã hợp nhất (được xây dựng theo Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã).

Số lượng xã viên hợp tác xã; danh sách ban quản trị hợp tác xã; danh sách ban kiểm soát của hợp tác xã, theo mẫu HTXDS.

Biên bản đã thông qua tại đại hội thành lập hợp tác xã hợp nhất.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các hợp tác xã bị hợp nhất.

Phương án xử lý tài sản, vốn các khoản nợ, xã viên, lao động và những vấn đề còn tồn đọng của hợp tác xã bị hợp nhất sang hợp tác xã hợp nhất của ban quản trị các hợp tác xã bị hợp nhất.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

Bản sao hợp lệ xác nhận vốn pháp định do cơ quan có thẩm quyền cấp cho hợp tác xã (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các hợp tác xã bị hợp nhất.

+ Đăng ký kinh doanh sáp nhập hợp tác xã, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký kinh doanh theo mẫu HTXMD của HTX sáp nhập.

Điều lệ của hợp tác xã sáp nhập được xây dựng theo Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã.

Số lượng xã viên hợp tác xã sáp nhập; danh sách ban quản trị hợp tác xã sáp nhập; danh sách ban kiểm soát của hợp tác xã sáp nhập, theo mẫu HTXDS.

Biên bản họp đại hội xã viên của HTX sáp nhập và xã viên của HTX bị sáp nhập thông qua thủ tục và điều kiện sáp nhập, phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ, xã viên, lao động và những vấn đề tồn đọng của hợp tác xã bị sáp nhập; dự thảo phương án sản xuất, kinh doanh và điều lệ hợp tác xã sáp nhập.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các hợp tác xã.

Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của ít nhất một người trong ban quản trị (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

Bản sao hợp lệ xác nhận vốn pháp định do cơ quan có thẩm quyền cấp cho hợp tác xã (trường hợp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ/hợp tác xã.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí:

- 200.000 đồng/lần cấp đối với trường hợp thành lập mới hợp tác xã.

- 20.000 đồng/lần cấp đối với hợp tác xã nhận sáp nhập và hợp tác xã bị tách.

(Theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đăng ký kinh doanh hợp tác xã (theo mẫu Phụ lục HTXMD Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

- Số lượng xã viên, danh sách thành viên của liên hiệp hợp tác xã, ban quản trị, hội đồng quản trị, ban kiểm soát (theo mẫu Phụ lục HTXDS theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

- Thông báo về đăng ký kinh doanh (theo mẫu Phụ lục HTXTB-2 theo Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Luật Quản lý thuế và đăng ký thuế.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

- Nghị định số 77/2005 /NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã.

- Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

- Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành quy định nội dung hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

- Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

70. Thủ tục đăng ký điều lệ hợp tác xã sửa đổi; tạm ngừng kinh doanh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thủ tục đăng ký điều lệ hợp tác xã (HTX) sửa đổi, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Quyết định bằng văn bản của ban quản trị, biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên về việc sửa đổi điều lệ hợp tác xã.

Văn bản giải trình những nội dung sửa đổi của điều lệ mới so với điều lệ cũ.

Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung.

+ Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, hồ sơ gồm có:

Thông báo về đăng ký kinh doanh.

Biên bản hoặc nghị quyết của đại hội xã viên, quyết định bằng văn bản của ban quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy biên nhận.

h) Lệ phí: 20.000 đồng/lần cấp (theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Thông báo về đăng ký kinh doanh (theo mẫu Phụ lục HTXTB-2, Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã).

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Quyết định số 97/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan giải quyết đăng ký kinh doanh, chứng nhận đầu tư, đăng ký thuế với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã.

- Quy chế liên ngành số 54/QCPH/SKHĐT-CT ngày 12/02/2009 giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

71. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ, thu lệ phí và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (trường hợp bị mất), hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Xác nhận của cơ quan Công an về việc khai báo mất giấy chứng nhận ĐKDN, hoặc giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của HTX.

Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo mất giấy ĐKDN hoặc 03 tờ báo đăng thông tin này.

+ Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (trường hợp bị hư hỏng), hồ sơ gồm có:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

Bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện bị hư hỏng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận.

h) Lệ phí: 20.000 đồng/lần cấp (theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của Luật Hợp tác xã.

- Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

72. Thủ tục đăng ký giải thể hợp tác xã

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để được hướng dẫn thủ tục hồ sơ. Doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định.

Bước 2: Nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì công chức nhận hồ sơ và trao giấy biên nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ thiếu hoặc không đầy đủ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ bổ sung cho kịp thời.

Bước 3: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không đủ điều kiện giải thể hợp tác xã, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời cho người nộp hồ sơ.

Bước 4: Đến ngày hẹn trong phiếu biên nhận hồ sơ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhận văn bản chấp thuận về việc giải thể.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Sáng : Từ 07^h30' đến 11^h30'.

- Chiều : Từ 13^h00' đến 16^h30'.

(Trừ chiều ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày lễ).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư, số E23-24, khu dân cư Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đăng ký giải thể hợp tác xã (trường hợp giải thể tự nguyện), hồ sơ gồm có:

Đơn xin giải thể HTX.

Nghị quyết đại hội xã viên về việc giải thể HTX.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

+ Đăng ký giải thể hợp tác xã (trường hợp giải thể bắt buộc), hồ sơ gồm có:

Thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư về hành vi vi phạm của hợp tác xã.

Hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định giải thể bắt buộc khi hợp tác xã vi phạm.

Quyết định giải thể HTX của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc UBND cấp huyện (trong trường hợp được UBND tỉnh Đồng Nai ủy quyền ra quyết định).

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

f) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.

g) Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

h) Lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

j) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của Luật Hợp tác xã.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Hợp tác xã năm 2003.

- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

- Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã./.

Phụ lục III-12**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO**V/v tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh như sau:

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngày tháng năm

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngày tháng năm.....

Lý do tạm ngừng:

.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này./.

Kèm theo thông báo:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-11**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ HIỆU ĐÍNH THÔNG TIN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện như sau:

Thông tin tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hiện nay là:

.....

.....

Nay đề nghị hiệu đính như sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết:

- Thông tin yêu cầu hiệu đính phù hợp với nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp/đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện đã nộp;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

Kèm theo thông báo:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-10

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế như sau¹:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng: Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....				
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....				
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
5	Tổng số lao động:.....				
6	Đăng ký xuất khẩu:.....				
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc: Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....				

8	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp):	Giá trị gia tăng	
		Tiêu thụ đặc biệt	
		Thuế xuất, nhập khẩu	
		Tài nguyên	
		Thu nhập doanh nghiệp	
		Môn bài	
		Tiền thuê đất	
		Phí, lệ phí	
		Thu nhập cá nhân	
		Khác	
		9	Ngành, nghề kinh doanh chính ² :.....

¹ Chỉ kê khai những thông tin dự kiến thay đổi.

² Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký hoặc dự kiến đăng ký bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính.

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ đính kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-9**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI THÔNG TIN TRONG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP¹

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thay đổi các thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp như sau:

.....
.....
.....
.....

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹ Chỉ áp dụng đối với trường hợp thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp và bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 21, 22 Thông tư này.

Phụ lục III-8**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

Họ và tên chủ sở hữu hiện tại (ghi bằng chữ in hoa):

..... Giới tính:

Sinh ngày: .../.../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Họ và tên chủ sở hữu mới (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Ngày: .../.../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

Tên chủ sở hữu hiện tại (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày:/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Tên chủ sở hữu mới (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/số Quyết định thành lập:

Do: cấp/phê duyệt ngày:/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X):

Hội đồng thành viên	<input type="checkbox"/>
Chủ tịch công ty	<input type="checkbox"/>

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này./.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

Phụ lục III-7**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

**THÔNG BÁO
THAY ĐỔI CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (chọn một trong các trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân)

Tặng cho DNTN	
Chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
Bán doanh nghiệp tư nhân	

1. Người tặng cho/người chết, mất tích/người bán

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số: ngày cấp:/...../..... nơi cấp:.....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại (trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này):

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Người được tặng cho/người thừa kế/người mua

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này./.

**NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO/
NGƯỜI ĐƯỢC THỪA
KẾ/NGƯỜI MUA**
(Ký, ghi họ tên)

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN¹
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Hợp đồng tặng cho doanh nghiệp;
- Giấy chứng từ/tuyên bố mất tích;
- Giấy kê khai di sản thừa kế;
-

¹ Trường hợp tặng cho doanh nghiệp tư nhân thì chủ doanh nghiệp tư nhân phải ký, ghi họ tên và đóng dấu.

Phụ lục III-6**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

**THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Đánh dấu X vào nội dung dự kiến thay đổi)¹

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên, thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên, thành viên công ty hợp danh, cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	<input type="checkbox"/>
- Vốn đầu tư của doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty	<input type="checkbox"/>

¹ Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi và gửi kèm.

Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính

1. Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax

Email: Website:

2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật¹

Họ và tên người đại diện theo pháp luật:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

¹ Chỉ kê khai trong trường hợp chuyển trụ sở chính của doanh nghiệp sang tỉnh, thành phố khác theo quy định tại Khoản 3, Điều 35, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

Đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Đăng ký thay đổi người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH một thành viên/thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên công ty hợp danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo ủy quyền: Kê khai theo Danh sách người đại diện theo ủy quyền mới mẫu quy định tại Phụ lục II-4.

2. Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên, công ty hợp danh: Kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục II-1 hoặc Phụ lục II-3 các nội dung: Giá trị vốn góp, phần vốn góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng và giá trị của từng loại tài sản góp vốn của các thành viên mới; phần vốn góp đã thay đổi tương ứng đối với thành viên hiện có sau khi tiếp nhận thành viên mới.

3. Trường hợp thay đổi cổ đông sáng lập: Kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục II-2 các nội dung: Phần vốn góp sau khi góp bù của các cổ đông sáng lập còn lại đối với trường hợp cổ đông sáng lập còn lại nhận góp bù cho đủ vốn; thông tin về người nhận góp bù đối với trường hợp người nhận góp bù không phải là cổ đông sáng lập.

Đăng ký thay đổi vốn đầu tư, vốn điều lệ, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ vốn đại diện

1. Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân/vốn điều lệ của công ty:

Vốn đầu tư/vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn đầu tư/vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Thời điểm thay đổi vốn:.....

Hình thức tăng, giảm vốn:

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp

(Kê khai tỷ lệ vốn góp dự kiến thay đổi của thành viên công ty TNHH 2 thành viên trở lên/thành viên công ty hợp danh/cổ đông sáng lập công ty cổ phần theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục II-1, Phụ lục II-2, Phụ lục II-3).

3. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn đại diện

(Kê khai tỷ lệ vốn đại diện dự kiến thay đổi của người đại diện theo ủy quyền công ty TNHH 1 thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II-4).

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III-4**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục III-2**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO**V/v lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Số giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Do (tên cơ quan nước ngoài cấp):

..... cấp ngày:/...../.....

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh):

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III-1

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

THÔNG BÁO
LẬP CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế.....

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

- Xã/phường/thị trấn:
- Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:
- Tỉnh/thành phố:
- Chỗ ở hiện tại:
- Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:
- Xã/phường/thị trấn:
- Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:
- Tỉnh/thành phố:
- Điện thoại: Fax:
- Email: Website:
5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):
- Tên chi nhánh:
- Địa chỉ chi nhánh:
- Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:.....
- Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):.....
6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....				
2	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):...../...../.....				
3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày .../.... đến ngày .../.... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
5	Tổng số lao động (dự kiến):.....				
6	Đăng ký xuất khẩu (Có/Không):.....				
7	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....				

8	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp):	Giá trị gia tăng	
		Tiêu thụ đặc biệt	
		Thuế xuất, nhập khẩu	
		Tài nguyên	
		Thu nhập doanh nghiệp	
		Môn bài	
		Tiền thuê đất	
		Phí, lệ phí	
		Thu nhập cá nhân	
		Khác	
9	Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động chính ¹ :.....		

¹ Chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động liệt kê tại Mục 3 dự kiến là nội dung hoạt động chính của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tại thời điểm đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-4
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký	Ghi chú ¹
									Tổng giá trị vốn được đại diện	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi nội dung ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

² Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục II-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; quyết định thành lập đối với tổ chức	Nghề nghiệp, trình độ chuyên môn của thành viên hợp danh	Vốn góp			Chữ ký của thành viên	Ghi chú ²
										Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND) ¹	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: Tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

² Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục II-2
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp						Chữ ký của cổ đông sáng lập	Ghi chú ²				
									Tổng số cổ phần ¹	Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần		Thời điểm góp vốn							
											Phổ thông	...		Số lượng			Giá trị			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
										Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị			

....., ngày ... tháng ... năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: Tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản.

² Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục II-1
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú ³
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày ... tháng ... năm
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Tiền Việt Nam;
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi;
- Vàng;

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật;
- Tài sản khác.

³ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

⁴ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-5
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty.

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:
 Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/thành phố:
 Điện thoại: Fax:
 Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn Nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

8. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm.

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....				
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....				
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
5	Năm tài chính:				

	Áp dụng từ ngày .../..... đến ngày .../..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
6	Tổng số lao động (dự kiến):.....	
7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):.....	
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....	
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp):	
	Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>
	Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>
	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>
	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
	Môn bài	<input type="checkbox"/>
	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>
	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>
	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>
	Khác	<input type="checkbox"/>
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :.....	

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại Mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 13, Luật Doanh nghiệp; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân, chủ hộ kinh doanh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên./.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH
(Ký và ghi họ tên từng thành viên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách thành viên công ty;

.....

Phụ lục I-4
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn.....

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh.....

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):.....

Tổng số cổ phần:

Mệnh giá cổ phần:

6. Số cổ phần, loại cổ phần dự kiến chào bán:.....

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn Nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

9. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm.

10. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....				
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....				
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/.....				

	(Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)																				
6	Tổng số lao động (dự kiến):.....																				
7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):.....																				
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....																				
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr><td>Giá trị gia tăng</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiêu thụ đặc biệt</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thuế xuất, nhập khẩu</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tài nguyên</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập doanh nghiệp</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Môn bài</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiền thuê đất</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Phí, lệ phí</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập cá nhân</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Khác</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> </table>	Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>	Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	Môn bài	<input type="checkbox"/>	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>
Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>																				
Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>																				
Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>																				
Tài nguyên	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>																				
Môn bài	<input type="checkbox"/>																				
Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>																				
Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>																				
Khác	<input type="checkbox"/>																				
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :.....																				

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại Mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

11. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên/.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách cổ đông sáng lập;

-

-

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):.....

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ)
Vốn trong nước: + Vốn Nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Vốn pháp định (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

8. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm.

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....				
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....				
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày .../..... đến ngày .../..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
6	Tổng số lao động (dự kiến):.....				

7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):.....																				
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....																				
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr><td>Giá trị gia tăng</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiêu thụ đặc biệt</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thuế xuất, nhập khẩu</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tài nguyên</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập doanh nghiệp</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Môn bài</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiền thuê đất</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Phí, lệ phí</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập cá nhân</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Khác</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> </table>	Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>	Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	Môn bài	<input type="checkbox"/>	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>
Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>																				
Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>																				
Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>																				
Tài nguyên	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>																				
Môn bài	<input type="checkbox"/>																				
Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>																				
Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>																				
Khác	<input type="checkbox"/>																				
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :.....																				

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại Mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên/.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách thành viên công ty;

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục 1-2
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
Thành lập trên cơ sở chuyển đổi	<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/số quyết định thành lập:.....

Do: cấp/phê duyệt ngày/...../.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:

Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu nếu có): Gửi kèm.

Mô hình tổ chức công ty (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Hội đồng thành viên	<input type="checkbox"/>
Chủ tịch công ty	<input type="checkbox"/>

6. Vốn điều lệ (bằng số; VND):

7. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VND)
Vốn trong nước: + Vốn Nhà nước + Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

8. Vốn pháp định: (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VND):
.....
.....

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế				
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc) (chỉ kê khai nếu Giám đốc, Tổng Giám đốc không phải là người đại diện theo pháp luật của công ty):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....				
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....				
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td>Hạch toán độc lập</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Hạch toán phụ thuộc</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>				
Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>				
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày .../..... đến ngày .../..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
6	Tổng số lao động (dự kiến):.....				

7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):.....																				
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....																				
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp): <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <tr><td>Giá trị gia tăng</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiêu thụ đặc biệt</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thuế xuất, nhập khẩu</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tài nguyên</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập doanh nghiệp</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Môn bài</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Tiền thuê đất</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Phí, lệ phí</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Thu nhập cá nhân</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> <tr><td>Khác</td><td><input type="checkbox"/></td></tr> </table>	Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>	Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>	Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>	Môn bài	<input type="checkbox"/>	Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>	Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>	Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>
Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>																				
Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>																				
Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>																				
Tài nguyên	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>																				
Môn bài	<input type="checkbox"/>																				
Tiền thuê đất	<input type="checkbox"/>																				
Phí, lệ phí	<input type="checkbox"/>																				
Thu nhập cá nhân	<input type="checkbox"/>																				
Khác	<input type="checkbox"/>																				
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :.....																				

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại Mục 4 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

i) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

ii) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/mã số thuế:

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp;
- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên./.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... ngày hết hạn:/...../..... nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:.....

Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/phường/thị trấn:.....

Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố Điện thoại: Fax:.....

Email: Website:

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/phường/thị trấn:.....

Quận/huyện/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/thành phố:.....Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn đầu tư ban đầu:

Tổng số (bằng số; VNĐ):

Trong đó:

- Tiền Việt Nam:

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi:

- Vàng:

- Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật:

- Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp):

5. Vốn pháp định: (đối với ngành, nghề kinh doanh phải có vốn pháp định; bằng số; VNĐ):

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng Giám đốc):..... Điện thoại:..... Họ và tên Kế toán trưởng:..... Điện thoại:.....	
2	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):..... Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:..... Xã/phường/thị trấn:..... Quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:..... Tỉnh/thành phố:..... Điện thoại: Fax:..... Email:.....	
3	Ngày bắt đầu hoạt động (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....	
4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):	
	Hạch toán độc lập	<input type="checkbox"/>
	Hạch toán phụ thuộc	<input type="checkbox"/>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày .../..... đến ngày .../..... (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
6	Tổng số lao động (dự kiến):.....	
7	Đăng ký xuất khẩu (có/không):.....	
8	Tài khoản ngân hàng, kho bạc (nếu có tại thời điểm kê khai): Tài khoản ngân hàng:..... Tài khoản kho bạc:.....	
9	Các loại thuế phải nộp (đánh dấu X vào ô thích hợp):	
	Giá trị gia tăng	<input type="checkbox"/>
	Tiêu thụ đặc biệt	<input type="checkbox"/>
	Thuế xuất, nhập khẩu	<input type="checkbox"/>
	Tài nguyên	<input type="checkbox"/>

	Thu nhập doanh nghiệp	
	Môn bài	
	Tiền thuê đất	
	Phí, lệ phí	
	Thu nhập cá nhân	
	Khác	
10	Ngành, nghề kinh doanh chính ¹ :.....	

¹ Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh liệt kê tại Mục 3 dự kiến là ngành, nghề kinh doanh chính tại thời điểm đăng ký.

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2, Điều 13 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh khác, không là thành viên hợp danh của công ty hợp danh (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);
- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên/.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký và ghi họ tên)

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐỒNG NAI XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 02 Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình,
TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 0613.941869 - 0613.847291
Fax: 0613.847292
Email: congbao@dongnai.gov.vn
Website: <http://congbao.dongnai.gov.vn>
In tại Xí nghiệp In Đồng Nai

Giá: 18.000 đồng